

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM BÌNH  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 24 – 2 – 2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

□ □□□

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Thị Hồng Chi**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Nguyễn Văn Mua**.

2. Bà **Nguyễn Thị Sương**.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Trương Minh Tấn** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa:**  
Không tham gia.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 283/2021/TLST– HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2022/QĐST – HNGĐ ngày 14/02/2022, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Anh **Lê Thành S**, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

\* Bị đơn: Chị **Tào Thị Thu V**, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: ấp PT1, xã PT, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Trong đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh **Lê Thành S** trình bày:

Vào năm 2001 hôn nhân do quen biết, tìm hiểu nhau, được sự đồng ý của gia đình anh **S** và chị **V** có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 29/8/2001 tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian hạnh phúc vợ chồng được khoảng 20 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi gay gắt nên ly thân vào năm 2021 cho đến nay. Hiện anh **S** không còn tình cảm với chị **V** nên yêu cầu ly hôn. Về con chung: Có 01 con chung tên **Lê Bảo T**, sinh ngày 03/8/2001 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và

nợ chung: không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Lê Thành S có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

- Bị đơn là chị Tào Thị Thu V đã được tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt không lý do. Ngày 14/02/2022 Chị V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án và qua hai lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải cho các đương sự trong vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện, khách quan những tình tiết của vụ án; ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện anh Lê Thành S yêu cầu được ly hôn với chị V là tranh chấp về ly hôn, nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Tam Bình, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TB.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Thành S và chị Tào Thị Thu V có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh S, chị V theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Xét về hôn nhân: Anh S và chị V cưới nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng ý kiến. Anh chị có thời gian sống ly thân từ năm 2021 đến nay không trở về đoàn tụ. Anh S xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn tiếp tục chung sống với chị V. Như vậy cho thấy đời sống chung giữa anh S và chị V không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa anh S và chị V.

[4]. Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Bảo Thiện, sinh ngày 03/8/2001 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết

[5]. Về tài sản chung: Anh S trình bày không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6]. Về nợ chung: Anh S thống nhất trình bày không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh S phải nộp số tiền 300.000đồng tiền án phí về việc xin ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số NQ 0010283 ngày 02/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh Vĩnh Long nên anh S không phải nộp thêm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 217; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Thành S.

- Về hôn nhân: Cho anh Lê Thành S được ly hôn với chị Tào Thị Thu V.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Bảo T, sinh ngày 03/8/2001 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung: Anh S trình bày không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Anh S trình bày không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Anh S phải nộp số tiền 300.000 đồng tiền án phí về việc xin ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số Nợ 0010283 ngày 02/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh Vĩnh Long nên anh S không phải nộp thêm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vụ án được xét xử công khai. Anh S, chị V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ, để chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện TB;
- Chi cục THADS huyện TB;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Trần Thị Hồng Chi**